

Biểu mẫu 20

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	642	0	40	81	462	59	x	x	504	98	40
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	568	0	40	75	397	56	x	x	437	91	40
a	Khối ngành III	94	0	12	17	55	10	x	x	72	10	12
b	Khối ngành V	306	0	21	42	214	29	x	x	227	58	21
c	Khối ngành VII	168	0	7	16	128	17	x	x	138	23	7
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	74	0	0	6	65	3	x	x	67	7	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
1	Bùi Đăng Khoa	1989	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
2	Bùi Đình Hoàn	1976	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường	
3	Bùi Đình Thịnh	1974	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật T.Tin L.Lạc và VTĐ từ	
4	Bùi Đình Vũ	1976	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
5	Bùi Hải Đăng	1992	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
6	Bùi Hồng Vũ	1992	Nam		Thạc sĩ	Vận hành các thiết bị năng lượng tàu thủy	
7	Bùi Hưng Nguyên	1978	Nam		Thạc sĩ	Luật kinh tế	
8	Bùi Quang Khánh	1991	Nam		Thạc sĩ	Quản lý năng lượng hàng hải	
9	Bùi Quốc Bình	1973	Nam		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	
10	Bùi Quốc Hưng	1972	Nam		Thạc sĩ	Triết học	x
11	Bùi Quốc Tú	1963	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
12	Bùi Thanh Danh	1993	Nữ		Đại học	Đóng tàu và công trình ngoài khơi	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
13	Bùi Thanh Hải	1980	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
14	Bùi Thanh Huân	1965	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
15	Bùi Thanh Tùng	1963	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế VTB	
16	Bùi Thị Diệu Thúy	1976	Nữ		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
17	Bùi Thị Hằng	1978	Nữ		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
18	Bùi Thị Ngọc Mai	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật	
19	Bùi Thị Phương	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán	
20	Bùi Thị Thanh Loan	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kĩ thuật môi trường	
21	Bùi Thị Thanh Nga	1981	Nữ		Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải, TS Kinh tế học	
22	Bùi Thị Thùy Linh	1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị toàn cầu-Quản trị chuỗi cung ứng	
23	Bùi Thị Thúy Nga	1987	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	
24	Bùi Thúy Tuyết Anh	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	x
25	Bùi Văn Hưng	1988	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
26	Cao Đức Hạnh	1982	Nam		Thạc sĩ	Khoa học & Kỹ thuật máy tính	
27	Cao Đức Thiệp	1972	Nam		Tiến sĩ	Cơ học kết cấu tàu thủy	
28	Cao Ngọc Vi	1982	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
29	Chu Văn Thủy	1986	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
30	Cù Huy Chính	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
31	Đặng Công Xương	1965	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
32	Đặng Đình Chiến	1986	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
33	Đặng Đình Phúc	1993	Nam		Thạc sĩ	Vận hành các thiết bị năng lượng tàu thủy	
34	Đặng Đình Tuấn	1976	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
35	Đặng Hoàng Anh	1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
36	Đặng Hồng Hải	1975	Nam		Tiến sĩ	Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp	
37	Đặng Ngọc Lựu	1968	Nam		Thạc sĩ	Triết học	x
38	Đặng Quang Việt	1984	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
39	Đặng Thanh Tùng	1981	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
40	Đặng Thùy Dương	1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị Tài chính - Kế toán	
41	Đặng Văn Hải	1994	Nam		Đại học	Xây dựng công trình thủy	
42	Đặng Văn Thu Thủy	1989	Nữ		Thạc sĩ	Toán giải tích	x
43	Đặng Văn Trường	1980	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
44	Đặng Việt Linh	1990	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	
45	Đào Minh Quân	1976	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Các nhà máy điện và động cơ	
46	Đào Ngọc Biên	1965	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Chế tạo máy	
47	Đào Quang Dân	1971	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
48	Đào Quang Khanh	1981	Nam		Thạc sĩ	Điện công nghiệp và dân dụng	
49	Đào Thanh Hương	1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	
50	Đào Văn Lập	1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
51	Đào Văn Thi	1986	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế tài chính-ngân hàng	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
52	Đào Văn Tuấn	1963	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công trình thủy	
53	Đậu Văn Sơn	1976	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
54	Đinh Anh Tuấn	1978	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động	
55	Đinh Phi Trường	1991	Nam		Đại học	Máy tàu thủy	
56	Đinh Thị Thu Ngân	1990	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	
57	Đinh Thị Thúy Hằng	1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường	
58	Đỗ Cẩm Nhung	1994	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính	
59	Đỗ Công Hoan	1977	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
60	Đỗ Đức Lưu	1962	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Máy tàu biển	
61	Đỗ Hồng Quân	1977	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
62	Đỗ Hữu Trường	1981	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy tiếng anh	
63	Đỗ Khắc Tiếp	1984	Nam		Tiến sĩ	Tự động hóa	
64	Đỗ Lệ Quyên	1988	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x
65	Đỗ Mạnh Toàn	1990	Nam		Thạc sĩ	Tài chính và ngân hàng quốc tế	
66	Đỗ Minh Phong	1964	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
67	Đỗ Ngọc Toàn	1962	Nam		Tiến sĩ	Phân tích hệ thống, điều khiển và xử lý thông tin	
68	Đỗ Như Quỳnh	1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	
69	Đỗ Quân Tùng	1984	Nam		Thạc sĩ	Huấn luyện giảng dạy Thể dục	x
70	Đỗ Quang Khải	1972	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Đóng tàu	
71	Đỗ Quang Quận	1979	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
72	Đỗ Quang Thành	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD công trình Dân dụng và Công nghiệp	
73	Đỗ Tất Mạnh	1988	Nam		Thạc sĩ	Đóng tàu thủy	
74	Đỗ Thanh Tùng	1975	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế vận tải	
75	Đỗ Thị Anh Thư	1980	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	
76	Đỗ Thị Bích Ngọc	1977	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	
77	Đỗ Thị Chang	1993	Nữ		Đại học	Điện tử viễn thông	
78	Đỗ Thị Hạnh	1989	Nữ		Thạc sĩ	Toán giải tích	x
79	Đỗ Thị Hiền	1978	Nữ		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
80	Đỗ Thị Lam	1978	Nữ		Thạc sĩ	Vỏ tàu thủy	
81	Đỗ Thị Mai Thơm	1970	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
82	Đỗ Thị Minh Trang	1988	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	
83	Đỗ Thị Phương Lan	1978	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ	
84	Đỗ Văn A	1962	Nam		Thạc sĩ	Điện tự động	
85	Đỗ Văn Cường	1988	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
86	Đỗ Văn Đoàn	1984	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
87	Đỗ Văn Long	1985	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
88	Đỗ Việt Thanh	1982	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
89	Đoàn Hữu Khánh	1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
90	Đoàn Như Sơn	1984	Nam		Đại học	Xây dựng Cầu đường	
91	Đoàn Tân Rường	1986	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
92	Đoàn Thế Mạnh	1961	Nam		Thạc sĩ	Công trình thủy	
93	Đoàn Thị Hồng Nhung	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kĩ thuật XD Công trình DD và CN	
94	Đoàn Thị Phương Thảo	1994	Nữ		Đại học	Kinh tế ngoại thương	
95	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán	
96	Đoàn Thị Thu Hằng	1991	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị quốc tế	
97	Đoàn Thu Hương	1994	Nữ		Đại học	Kinh tế học doanh nghiệp và tài chính	
98	Đoàn Trọng Hiếu	1986	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
99	Đoàn Văn Cảnh	1988	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
100	Đoàn Văn Duẩn	1976	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
101	Đoàn Văn Huân	1979	Nam		Thạc sĩ	Tiếng Anh	
102	Đoàn Văn Tuấn	1985	Nam		Thạc sĩ	Tự động hoá	
103	Đoàn Văn Tuyền	1980	Nam		Thạc sĩ	Kĩ thuật tàu thủy	
104	Đồng Đức Tuấn	1989	Nam		Tiến sĩ	Khoa học kỹ thuật tàu thủy	
105	Đồng Xuân Cường	1986	Nam		Thạc sĩ	Toán học	x
106	Dương Thọ Minh	1991	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử	
107	Dương Văn Bạo	1961	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý SX vận tải	
108	Dương Xuân Quang	1987	Nam		Tiến sĩ	Máy và thiết bị tàu thủy	
109	Hà Nam Ninh	1974	Nam		Tiến sĩ	NC môi trường HH ứng dụng	
110	Hà Xuân Chuẩn	1961	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công trình thủy	
111	Hàn Huyền Hương	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	
112	Hồ Mạnh Tuyền	1976	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế và quản lý	
113	Hồ Thị Hương Thơm	1978	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	
114	Hồ Thị Thu Lan	1976	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế vận tải	
115	Hoàng Bảo Trung	1989	Nam		Thạc sĩ	Tài chính và Đầu tư	
116	Hoàng Bích Thủy	1979	Nữ		Thạc sĩ	Triết học	x
117	Hoàng Chí Cương	1979	Nam		Tiến sĩ	Thương mại XNK	
118	Hoàng Đình Sang	1962	Nam		Đại học	Máy tàu thủy	
119	Hoàng Đức Tuấn	1965	Nam		Thạc sĩ	Điện	
120	Hoàng Đức Tuấn	1974	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Điện	
121	Hoàng Kim Chi	1987	Nữ		Thạc sĩ	Toán học	x
122	Hoàng Mạnh Cường	1978	Nam		Tiến sĩ	Cơ học	
123	Hoàng Quốc Đông	1987	Nam		Thạc sĩ	Máy xếp dỡ	
124	Hoàng Thị Bích Phương	1986	Nữ		Đại học	Lịch sử	x
125	Hoàng Thị Hồng Hạnh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Luật Quốc tế	
126	Hoàng Thị Hồng Lan	1979	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	
127	Hoàng Thị Lịch	1976	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
128	Hoàng Thị Mai Linh	1988	Nữ		Thạc sĩ	Đóng tàu thủy	
129	Hoàng Thị Minh Hằng	1994	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế vận tải biển	
130	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1976	Nữ		Thạc sĩ	Anh	
131	Hoàng Thị Ngọc Quỳnh	1991	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế	
132	Hoàng Thị Phương Lan	1977	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế	
133	Hoàng Thị Thu Hà	1972	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	
134	Hoàng Thị Thúy Phương	1981	Nữ		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
135	Hoàng Tuấn Anh	1988	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao	x
136	Hoàng Văn Mười	1967	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
137	Hoàng Văn Nam	1984	Nam		Tiến sĩ	Cơ học kỹ thuật	
138	Hoàng Văn Thành	1978	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật động cơ đốt trong	
139	Hoàng Văn Thủy	1963	Nam		Thạc sĩ	Đóng tàu	
140	Hoàng Văn Thủy	1962	Nam		Thạc sĩ	Đóng tàu	
141	Hoàng Xuân Bằng	1978	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
142	Hứa Xuân Long	1971	Nam		Thạc sĩ	Điện tự động	
143	Huỳnh Ngọc Oánh	1962	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức kỹ thuật vận tải	
144	Huỳnh Tấn Minh	1993	Nam		Đại học	Kinh tế ngoại thương	
145	Khiếu Hữu Triền	1960	Nam		Tiến sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
146	Lã Văn Hải	1982	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm ATHH	
147	Lê Anh Tuấn	1980	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ khí	
148	Lê Bá Dũng	1981	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ và khoa học máy tính	
149	Lê Chiến Thắng	1989	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	
150	Lê Đăng Khánh	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện và điều khiển	
151	Lê Đào Hải An	1979	Nữ		Thạc sĩ	Toàn học	x
152	Lê Đình Dũng	1982	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
153	Lê Đình Nghiêm	1993	Nam		Đại học	Kỹ thuật cơ khí	
154	Lê Hồng Hải	1979	Nam		Thạc sĩ	Động cơ	
155	Lê Hồng Nhung	1991	Nữ		Đại học	Quản trị Kinh doanh	
156	Lê Mỹ Phượng	1978	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý vô tuyến	x
157	Lê Quang Huy	1986	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
158	Lê Quang Vinh	1977	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
159	Lê Quốc An	1971	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
160	Lê Quyết Tiến	1988	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
161	Lê Sơn Tùng	1985	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
162	Lê Sỹ Xinh	1981	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	
163	Lê Thanh Bình	1981	Nam		Tiến sĩ	Thiết kế và đóng tàu thủy	
164	Lê Thành Đạt	1985	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống giao thông Hàng hải	
165	Lê Thanh Hoa	1983	Nữ		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	x
166	Lê Thành Luân	1986	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
167	Lê Thanh Phương	1981	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế Tài chính ngân hàng	
168	Lê Thế Anh	1987	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	
169	Lê Thị Hiền Thảo	1981	Nữ		Thạc sĩ	Anh	
170	Lê Thị Hồng Loan	1987	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	
171	Lê Thị Hương Giang	1976	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công trình thủy	
172	Lê Thị Lệ	1975	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	
173	Lê Thị Mai	1984	Nữ		Thạc sĩ	Công trình thủy	
174	Lê Thị Minh Phương	1986	Nữ		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
175	Lê Thị Minh Phương	1977	Nữ		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
176	Lê Thị Nhung	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
177	Lê Thị Quỳnh Hương	1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	
178	Lê Thị Thúy	1989	Nữ		Thạc sĩ	Toán Kinh tế	x
179	Lê Thị Thùy Dương	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
180	Lê Thùy Tâm	1974	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ	
181	Lê Trang Nhung	1975	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế	
182	Lê Trí Hiếu	1989	Nam		Đại học	Máy tàu thủy	
183	Lê Văn Cương	1961	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
184	Lê Văn Cường	1979	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc	
185	Lê Văn Điềm	1969	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tự động hóa	
186	Lê Văn Hạnh	1960	Nam		Tiến sĩ	Đóng tàu	
187	Lê Văn Học	1960	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tự động điều khiển	
188	Lê Văn Tâm	1975	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	
189	Lê Văn Thanh	1985	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
190	Lương Nhật Hải	1962	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế vận tải	
191	Lương Thị Kim Dung	1978	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế và so sánh	
192	Lương Thị Kim Oanh	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế ngoại thương	
193	Lương Tú Nam	1988	Nam		Thạc sĩ	Khoa học và Công nghệ Hàng hải	
194	Lưu Quang Hiệu	1986	Nam		Tiến sĩ	Khoa học Kỹ thuật	
195	Lưu Quang Hưng	1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử	
196	Lưu Thành Công	1975	Nam		Thạc sĩ	Sửa chữa bảo trì	
197	Lưu Thị Quỳnh Hương	1985	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ ứng dụng	
198	Mạc Văn Nam	1966	Nam		Thạc sĩ	Triết học	x
199	Mai Khắc Thành	1977	Nam		Tiến sĩ	Tổ chức và Quản lý vận tải	
200	Mai Minh Mạnh	1962	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
201	Mai Thế Trọng	1981	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
202	Mai Thị Mến	1980	Nữ		Thạc sĩ	Triết học	x
203	Mai Văn Thi	1982	Nam		Thạc sĩ	Toán học	x
204	Mai Xuân Hương	1976	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
205	Ngô Gia Việt	1989	Nam		Tiến sĩ	Đóng tàu	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
206	Ngô Kim Định	1956	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa học	
207	Ngô Ngọc Lân	1968	Nam		Tiến sĩ	Chất lượng và độ tin cậy	
208	Ngô Ngọc Trâm	1992	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy tiếng anh	
209	Ngô Như Tại	1988	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Logistics	
210	Ngô Quốc Vinh	1970	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
211	Ngô Thị Nhân	1981	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	
212	Ngô Văn Thảo	1964	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	x
213	Ngô Việt Anh	1993	Nam		Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
214	Ngô Xuân Hường	1963	Nam		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông	
215	Nguyễn Anh Đức	1989	Nam		Thạc sĩ	Vật lý chất rắn	x
216	Nguyễn Anh Tuấn	1993	Nam		Đại học	Điều khiển tàu biển	
217	Nguyễn Anh Việt	1961	Nam		Thạc sĩ	Máy tàu thủy	
218	Nguyễn Anh Xuân	1979	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
219	Nguyễn Bá Thắng	1978	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
220	Nguyễn Bích Ngọc	1980	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế	
221	Nguyễn Cảnh Lam	1987	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế vận tải và Hàng hải	
222	Nguyễn Cảnh Toàn	1976	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	
223	Nguyễn Chí Công	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật máy và thiết bị thủy khí	
224	Nguyễn Công Vịnh	1972	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Điều khiển tự động	
225	Nguyễn Đại Việt	1976	Nam		Thạc sĩ	Công trình thủy	
226	Nguyễn Đình Dương	1980	Nam		Tiến sĩ	Toán Ứng dụng	x
227	Nguyễn Đình Duy	1991	Nam		Thạc sĩ	Tiếng Anh thương mại	
228	Nguyễn Đình Hải	1977	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
229	Nguyễn Đình Khiêm	1988	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	
230	Nguyễn Đình Quý	1967	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng anh	
231	Nguyễn Đình Thạch	1971	Nam		Tiến sĩ	Khoa học Hàng hải	
232	Nguyễn Đình Thúy Hường	1990	Nữ		Thạc sĩ	Luật Châu âu	
233	Nguyễn Doãn Hoài	1968	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
234	Nguyễn Đức Bình	1991	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ đóng tàu và kỹ thuật công trình ngoài khơi	
235	Nguyễn Đức Chinh	1981	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
236	Nguyễn Đức Hạnh	1981	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
237	Nguyễn Đức Hậu	1960	Nam		Đại học	Vỏ tàu thủy	
238	Nguyễn Đức Long	1985	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
239	Nguyễn Đức Sang	1991	Nam		Đại học	Cơ điện tử	
240	Nguyễn Đức Tâm	1991	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh	
241	Nguyễn Dương Nam	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật vật liệu	
242	Nguyễn Duy Trường Giang	1981	Nam		Tiến sĩ	Phân tích hệ thống, quản lý và xử lý thông tin.	
243	Nguyễn Gia Khánh	1986	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc	
244	Nguyễn Hải Yến	1980	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
245	Nguyễn Hạnh Phúc	1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
246	Nguyễn Hoài Đức	1972	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ	
247	Nguyễn Hoàng	1984	Nam		Tiến sĩ	Công trình thủy	
248	Nguyễn Hoàng Hải	1987	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tự động	
249	Nguyễn Hoàng Lâm	1986	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng cầu hầm	
250	Nguyễn Hoàng Thùy Trang	1989	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
251	Nguyễn Hoàng Yến	1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường	
252	Nguyễn Hồng Ánh	1980	Nữ		Thạc sĩ	Anh	
253	Nguyễn Hồng Vân	1971	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
254	Nguyễn Hùng Cường	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện	
255	Nguyễn Hữu Đạt	1986	Nam		Thạc sĩ	Chế tạo máy	
256	Nguyễn Hữu Đình	1980	Nam		Thạc sĩ	Cơ học kỹ thuật	
257	Nguyễn Hữu Dũng	1986	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
258	Nguyễn Hữu Hùng	1961	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế	
259	Nguyễn Hữu Hưng	1997	Nam		Đại học	Kinh tế vận tải biển	
260	Nguyễn Hữu Quyền	1982	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	
261	Nguyễn Hữu Thư	1992	Nam		Đại học	Khai thác máy tàu thủy	
262	Nguyễn Hữu Tuấn	1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	
263	Nguyễn Huy Hào	1970	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tự động hóa	
264	Nguyễn Khắc Khiêm	1970	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tự động hóa	
265	Nguyễn Kim Anh	1982	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học & Kỹ thuật máy tính	
266	Nguyễn Kim Phương	1974	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khai thác VT thủy, hàng hải	
267	Nguyễn Lan Hương	1970	Nữ		Tiến sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
268	Nguyễn Lê Hương	1984	Nữ		Thạc sĩ	Toán giải tích	x
269	Nguyễn Lê Kim Phúc	1996	Nữ		Đại học	Luật Hàng hải	
270	Nguyễn Mạnh Chiến	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
271	Nguyễn Mạnh Chiêu	1984	Nam		Thạc sĩ	Kĩ thuật và công nghệ	
272	Nguyễn Mạnh Cường	1985	Nam		Thạc sĩ	Kĩ thuật điện tử	
273	Nguyễn Mạnh Cường	1963	Nam		Tiến sĩ	Kĩ thuật điện tử	
274	Nguyễn Mạnh Hùng	1989	Nam		Thạc sĩ	Khai thác máy tàu biển	
275	Nguyễn Mạnh Nền	1985	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
276	Nguyễn Mạnh Thường	1964	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thiết bị năng lượng	
277	Nguyễn Minh Đức	1983	Nam		Thạc sĩ	Logistics Quốc tế	
278	Nguyễn Minh Đức	1981	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Logistics Quốc tế	
279	Nguyễn Minh Đức	1985	Nam		Tiến sĩ	Logistics Quốc tế	
280	Nguyễn Minh Phương	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế vận tải biển	
281	Nguyễn Minh Trang	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán	
282	Nguyễn Minh Vũ	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
283	Nguyễn Ngọc Đức	1991	Nam		Đại học	Kỹ thuật Điện, điện tử	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
284	Nguyễn Ngọc Hoàng	1962	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
285	Nguyễn Ngọc Khải	1979	Nam		Thạc sĩ	Vật lý vô tuyến	x
286	Nguyễn Ngọc Sơn	1962	Nam		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông	
287	Nguyễn Phan Anh	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cầu, đường và các công trình vượt sông	
288	Nguyễn Phong Nhã	1986	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
289	Nguyễn Phương Hạnh	1987	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	
290	Nguyễn Phương Lâm	1971	Nam		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông	
291	Nguyễn Quang Duy	1987	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
292	Nguyễn Quang Huy	1993	Nam		Đại học	Kỹ thuật an toàn Hàng hải	
293	Nguyễn Quyết Thành	1986	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng cầu hầm	
294	Nguyễn Quỳnh Trang	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế ngoại thương	
295	Nguyễn Sơn	1991	Nam		Thạc sĩ	Kế hoạch và quản lý vận tải	
296	Nguyễn Tất Dũng	1961	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	
297	Nguyễn Tất Vinh	1960	Nam		Đại học	MTT	
298	Nguyễn Thái Bình	1978	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
299	Nguyễn Thái Dương	1967	Nam		Tiến sĩ	Khoa học Hàng hải	
300	Nguyễn Thanh Diệu	1984	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
301	Nguyễn Thành Lê	1979	Nam		Tiến sĩ	Luật	
302	Nguyễn Thanh Phong	1961	Nam		Thạc sĩ	Máy tàu biển	
303	Nguyễn Thanh Sơn	1976	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Phân tích hệ thống và xử lý thông tin	
304	Nguyễn Thanh Sơn	1974	Nam		Tiến sĩ	Phân tích hệ thống và xử lý thông tin	
305	Nguyễn Thành Trung	1974	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
306	Nguyễn Thành Tuấn Anh	1991	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
307	Nguyễn Thanh Tùng	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD công trình Dân dụng và Công nghiệp	
308	Nguyễn Thanh Tùng	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD công trình Dân dụng và Công nghiệp	
309	Nguyễn Thanh Vân	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kĩ thuật điện tử	
310	Nguyễn Thanh Vân	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kĩ thuật điện tử	
311	Nguyễn Thế Cường	1980	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
312	Nguyễn Thế Hưng	1982	Nam		Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x
313	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	1994	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế Hàng hải và toàn cầu hóa	
314	Nguyễn Thị Diễm Chi	1980	Nữ		Tiến sĩ	Công trình thủy	
315	Nguyễn Thị Đỗ Hạnh	1978	Nữ		Thạc sĩ	Toán	x
316	Nguyễn Thị Hà Phương	1988	Nữ		Thạc sĩ	Đóng tàu và kỹ thuật hải dương	
317	Nguyễn Thị Hải Hà	1983	Nữ		Thạc sĩ	Đóng tàu	
318	Nguyễn Thị Hằng	1978	Nữ		Thạc sĩ	Đảm bảo toán	
319	Nguyễn Thị Hoa	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế đối ngoại	
320	Nguyễn Thị Hồng	1979	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật trắc địa	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
321	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	
322	Nguyễn Thị Hồng Thắm	1975	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
323	Nguyễn Thị Hồng Vân	1983	Nữ		Thạc sĩ	Hóa	
324	Nguyễn Thị Hường	1980	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế	
325	Nguyễn Thị Hương Giang	1994	Nữ		Đại học	Kinh tế vận tải biển	
326	Nguyễn Thị Huyền Trang	1986	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	
327	Nguyễn Thị Kim Hồng	1984	Nữ		Tiến sĩ	Triết học	x
328	Nguyễn Thị Lê Hằng	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	
329	Nguyễn Thị Liên	1978	Nữ		Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
330	Nguyễn Thị Liên	1966	Nữ		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
331	Nguyễn Thị Mai Hạnh	1970	Nữ		Thạc sĩ	Đóng tàu thủy	
332	Nguyễn Thị Minh Anh	1993	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	
333	Nguyễn Thị Minh Ngọc	1978	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý vô tuyến	x
334	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1980	Nữ		Thạc sĩ	Hóa kỹ thuật	
335	Nguyễn Thị Nha Trang	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị chuỗi cung ứng	
336	Nguyễn Thị Nhân	1996	Nữ		Đại học	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x
337	Nguyễn Thị Nhân	1989	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x
338	Nguyễn Thị Như	1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ phần mềm	
339	Nguyễn Thị Như	1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ phần mềm	
340	Nguyễn Thị Như Ngọc	1985	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường	
341	Nguyễn Thị Nương	1994	Nữ		Đại học	Kỹ Thuật Môi trường	
342	Nguyễn Thị Phụng	1983	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	
343	Nguyễn Thị Phương Mai	1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	
344	Nguyễn Thị Phương Thảo	1995	Nữ		Đại học	Kinh tế ngoại thương	
345	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	1977	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	
346	Nguyễn Thị Tâm	1991	Nữ		Đại học	Kỹ thuật môi trường	
347	Nguyễn Thị Thanh	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	x
348	Nguyễn Thị Thanh Bình	1980	Nữ		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
349	Nguyễn Thị Thanh Sâm	1984	Nữ		Tiến sĩ	Lịch sử	x
350	Nguyễn Thị Thảo	1991	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy tiếng anh	
351	Nguyễn Thị Thảo Linh	1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý dạy học ngôn ngữ	
352	Nguyễn Thị Thu	1995	Nữ		Đại học	Kỹ Thuật Môi trường	
353	Nguyễn Thị Thu	1988	Nữ		Thạc sĩ	Thẩm định môi trường	
354	Nguyễn Thị Thu Hà	1971	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
355	Nguyễn Thị Thu Hương	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế	
356	Nguyễn Thị Thu Huyền	1996	Nữ		Đại học	Logistics	
357	Nguyễn Thị Thu Lan	1984	Nữ		Thạc sĩ	Triết học	x
358	Nguyễn Thị Thu Lê	1971	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
359	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	1979	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
360	Nguyễn Thị Thương	1985	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
361	Nguyễn Thị Thủy	1987	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
362	Nguyễn Thị Thùy Dương	1995	Nữ		Đại học	Kinh tế vận tải biển	
363	Nguyễn Thị Thúy Hồng	1974	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế	
364	Nguyễn Thị Thùy Linh	1993	Nữ		Đại học	Kỹ Thuật Môi trường	
365	Nguyễn Thị Thúy Nhung	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quan trắc môi trường	
366	Nguyễn Thị Thúy Thu	1982	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	
367	Nguyễn Thị Vân	1990	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
368	Nguyễn Thị Xuân	1982	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý	x
369	Nguyễn Thị Xuân Hương	1976	Nữ		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
370	Nguyễn Thị Xuân Huyền	1980	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
371	Nguyễn Thiện Thành	1986	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc	
372	Nguyễn Thu Quỳnh	1990	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh	
373	Nguyễn Thúy Dương	1989	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử	x
374	Nguyễn Tiến Công	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
375	Nguyễn Tiến Dũng	1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ cơ khí	
376	Nguyễn Tiến Thành	1976	Nam		Thạc sĩ	X.dựng công trình dân dụng &CN	
377	Nguyễn Trí Luận	1972	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
378	Nguyễn Trí Minh	1961	Nam		Tiến sĩ	Phân tích hệ thống, điều khiển và xử lý thông tin	
379	Nguyễn Trọng Đức	1975	Nam		Tiến sĩ	Quang học và tần số vô tuyến	
380	Nguyễn Trọng Khôi	1982	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng Công trình thủy	
381	Nguyễn Trọng Khuê	1976	Nam		Thạc sĩ	Công trình thủy	
382	Nguyễn Trọng Tâm	1984	Nam		Thạc sĩ	Vật lý quang học, nguyên tử và công nghệ	x
383	Nguyễn Trung Chính	1985	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
384	Nguyễn Trung Đức	1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	
385	Nguyễn Trung Quân	1991	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện tử, Truyền thông	
386	Nguyễn Tuấn Anh	1984	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
387	Nguyễn Tuấn Anh	1986	Nữ		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
388	Nguyễn Tuấn Anh	1981	Nam		Tiến sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
389	Nguyễn Tùng Lâm	1984	Nam		Thạc sĩ	Máy xếp dỡ	
390	Nguyễn Văn	1981	Nam		Thạc sĩ	Toán học	x
391	Nguyễn Văn Ba	1977	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
392	Nguyễn Văn Duy	1969	Nam		Thạc sĩ	Máy tàu thủy	
393	Nguyễn Văn Hải	1981	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế và sửa chữa máy tàu thủy	
394	Nguyễn Văn Hân	1961	Nam		Thạc sĩ	Đóng tàu	
395	Nguyễn Văn Hành	1969	Nam		Đại học	Máy xếp dỡ	
396	Nguyễn Văn Hoài	1983	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
397	Nguyễn Văn Hoàn	1980	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
398	Nguyễn Văn Hùng	1984	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế đối ngoại	
399	Nguyễn Văn Minh	1984	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc	
400	Nguyễn Văn Minh	1979	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc	
401	Nguyễn Văn Nhật	1990	Nam		Thạc sĩ	CNXH Khoa học	x
402	Nguyễn Văn Ninh	1986	Nam		Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
403	Nguyễn Văn Quảng	1989	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
404	Nguyễn Văn Sơn	1961	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế vận tải biển	
405	Nguyễn Văn Sương	1987	Nam		Tiến sĩ	An toàn hàng hải	
406	Nguyễn Văn Thịnh	1978	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
407	Nguyễn Văn Thừa	1960	Nam		Đại học	Công trình thủy	
408	Nguyễn Văn Thương	1964	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
409	Nguyễn Văn Thủy	1960	Nam		Thạc sĩ	Đảm bảo toán cho máy tính	
410	Nguyễn Văn Tiến	1986	Nam		Tiến sĩ	Điều khiển và tự động hóa	
411	Nguyễn Văn Tiến	1988	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển và tự động hóa	
412	Nguyễn Văn Trinh	1980	Nam		Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	x
413	Nguyễn Văn Trường	1988	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
414	Nguyễn Văn Võ	1971	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
415	Nguyễn Viết Hà	1993	Nam		Đại học	Luật học	
416	Nguyễn Viết Hoàng Sơn	1990	Nam		Thạc sĩ	Chính sách và luật hàng hải	
417	Nguyễn Viết Thành	1961	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Điều khiển	
418	Nguyễn Vương Thịnh	1983	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	
419	Nguyễn Xuân Hòa	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD công trình Dân dụng và Công nghiệp	
420	Nguyễn Xuân Lộc	1975	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc	
421	Nguyễn Xuân Long	1974	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
422	Nguyễn Xuân Sang	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường	
423	Nguyễn Xuân Thịnh	1981	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm AT hàng hải	
424	Nhữ Anh Dũng	1962	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
425	Phạm Anh Đức	1987	Nam		Thạc sĩ	Khai thác máy tàu biển	
426	Phạm Cao Hoàng Nam	1990	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	
427	Phạm Đình Bá	1984	Nam		Tiến sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
428	Phạm Đồng Bằng	1980	Nam		Thạc sĩ	Vật lý	x
429	Phạm Đức	1962	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
430	Phạm Đức Cường	1985	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
431	Phạm Đức Toàn	1983	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
432	Phạm Gia Tuyết	1965	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
433	Phạm Hoàng Anh	1988	Nam		Thạc sĩ	Máy và thiết bị tàu thủy	
434	Phạm Hữu Tân	1960	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tự động hóa và điều khiển	
435	Phạm Huy Tùng	1980	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
436	Phạm Kim Phụng	1988	Nữ		Thạc sĩ	Toán giải tích	x
437	Phạm Kỳ Quang	1974	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tự động hoá và điều khiển...	
438	Phạm Minh Châu	1986	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm AT hàng hải	
439	Phạm Minh Ngọc	1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật truyền nhiệt và thủy động cơ học	
440	Phạm Minh Thảo	1996	Nam		Đại học	Tự động hóa hệ thống điện	
441	Phạm Minh Thúy	1993	Nữ		Đại học	Kinh tế Hàng hải và toàn cầu hóa	
442	Phạm Ngọc Ánh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
443	Phạm Ngọc Duy	1991	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
444	Phạm Ngọc Thanh	1975	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế vận tải	
445	Phạm Ngọc Tuyền	1960	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
446	Phạm Ngọc Vương	1981	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng công trình DD&CN	
447	Phạm Quang Khải	1986	Nam		Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	x
448	Phạm Quang Thủy	1985	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
449	Phạm Quốc Hoàn	1986	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	
450	Phạm Quốc Việt	1962	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
451	Phạm Tâm Thành	1980	Nam		Tiến sĩ	Điều khiển và tự động hóa	
452	Phạm Tất Tiệp	1987	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
453	Phạm Thanh Tân	1961	Nam		Đại học	Luật	
454	Phạm Thanh Tùng	1977	Nam		Thạc sĩ	Huấn luyện giảng dạy Thể dục	x
455	Phạm Thế Hưng	1961	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế	
456	Phạm Thị Dương	1980	Nữ		Tiến sĩ	Hóa môi trường	
457	Phạm Thị Hải Yến	1979	Nữ		Thạc sĩ	Địa kỹ thuật	
458	Phạm Thị Hằng Nga	1994	Nữ		Đại học	Kinh tế vận tải biển	
459	Phạm Thị Hoa	1979	Nữ		Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	
460	Phạm Thị Hồng Anh	1984	Nữ		Thạc sĩ	Tự động hoá	
461	Phạm Thị Hồng Vân	1978	Nữ		Tiến sĩ	Ngân hàng	
462	Phạm Thị Ly	1986	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng đường bộ	
463	Phạm Thị Mai Phương	1993	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế ngoại thương	
464	Phạm Thị Minh Trang	1995	Nữ		Đại học	SP Tiếng Anh	
465	Phạm Thị Ngà	1981	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	
466	Phạm Thị Ngọc Hà	1980	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục khoa học công nghệ (Toán học)	x
467	Phạm Thị Ngọc Thanh	1993	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh	
468	Phạm Thị Oanh	1977	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
469	Phạm Thị Phương Mai	1976	Nữ		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
470	Phạm Thị Quỳnh Mai	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế vận tải biển	
471	Phạm Thị Quỳnh Trâm	1992	Nữ		Thạc sĩ	SP Tiếng Anh	
472	Phạm Thị Thanh	1977	Nữ		Thạc sĩ	Đóng tàu thủy	
473	Phạm Thị Thanh Hải	1978	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
474	Phạm Thị Thu	1978	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	x
475	Phạm Thị Thu Hằng	1977	Nữ		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
476	Phạm Thị Thu Hằng	1983	Nữ		Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
477	Phạm Thị Thu Hoài	1978	Nữ		Thạc sĩ	Toán	x
478	Phạm Thị Thu Trang	1988	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử ĐCSVN	x
479	Phạm Thị Thúy	1979	Nữ		Thạc sĩ	Cơ học vật thể rắn	
480	Phạm Thị Thùy Vân	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị và Marketing	
481	Phạm Thị Xuân	1974	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	x
482	Phạm Thị Yến	1987	Nữ		Tiến sĩ	Thiết bị năng lượng	
483	Phạm Thị Yến	1975	Nữ		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
484	Phạm Thu Trang	1991	Nữ		Thạc sĩ	Ngân hàng và Tài chính Quốc tế	
485	Phạm Thùy Linh	1993	Nữ		Thạc sĩ	SP Tiếng Anh	
486	Phạm Tiến Dũng	1975	Nam		Tiến sĩ	Hoá học	
487	Phạm Trọng Tài	1961	Nam		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông	
488	Phạm Trung Đức	1971	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
489	Phạm Trung Minh	1980	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
490	Phạm Tuấn Đạt	1976	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
491	Phạm Văn Đôn	1968	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	
492	Phạm Văn Dũng	1967	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
493	Phạm Văn Duyên	1988	Nam		Đại học	Đóng tàu thủy	
494	Phạm Văn Huy	1991	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
495	Phạm Văn Khôi	1986	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	
496	Phạm Văn Linh	1988	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
497	Phạm Văn Luân	1985	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
498	Phạm Văn Minh	1963	Nam		Tiến sĩ	Phương trình vi phân	x
499	Phạm Văn Phước	1961	Nam		Tiến sĩ	Điện tử-viễn thông	
500	Phạm Văn Sỹ	1982	Nam		Tiến sĩ	Cơ khí và vật liệu ứng dụng	
501	Phạm Văn Tân	1984	Nam		Tiến sĩ	Luật Hàng hải	
502	Phạm Văn Thuận	1975	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Các nghiên cứu ứng dụng môi trường hàng hải	
503	Phạm Văn Toàn	1988	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	
504	Phạm Văn Toàn	1982	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	
505	Phạm Văn Trung	1979	Nam		Tiến sĩ	Công trình thủy	
506	Phạm Văn Tuất	1973	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học	x
507	Phạm Văn Xương	1978	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
508	Phạm Việt Dũng	1977	Nam		Thạc sĩ	Tự động hoá	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
509	Phạm Việt Hùng	1981	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
510	Phạm Việt Hưng	1980	Nam		Tiến sĩ	Điện tử viễn thông	
511	Phạm Xuân Dương	1969	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	P.Tích H.Thống Đ.Khiển và X.lý T.Tin	
512	Phan Đăng Đào	1965	Nam		Thạc sĩ	Điện tự động	
513	Phan Duy Hòa	1978	Nam		Thạc sĩ	CNXH Khoa học	x
514	Phan Minh Tiến	1994	Nam		Đại học	Kinh tế vận tải biển	
515	Phan Thị Bích Ngọc	1972	Nữ		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
516	Phan Thị Minh Châu	1994	Nữ		Đại học	Kinh tế đầu tư	
517	Phan Trung Kiên	1982	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
518	Phan Văn Chiêm	1965	Nam		Thạc sĩ	Triết	x
519	Phan Văn Dương	1985	Nam		Thạc sĩ	Cơ điện tử	
520	Phan Văn Hưng	1987	Nam		Tiến sĩ	Điều khiển tàu biển	
521	Phùng Mạnh Trung	1986	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế tài chính-ngân hàng	
522	Phùng Thị Mai Trang	1984	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	
523	Quách Thanh Chung	1973	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
524	Quách Thị Hà	1980	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	x
525	Quản Thị Thùy Dương	1993	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế	
526	Tạ Quang Đông	1984	Nam		Thạc sĩ	Toán Ứng dụng	x
527	Tạ Thị Lương	1993	Nữ		Đại học	Công nghệ hóa học	
528	Thái Hoàng Phương	1986	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
529	Thái Hoàng Yên	1960	Nam		Thạc sĩ	Kĩ thuật công trình biển	
530	Thắm Bội Châu	1964	Nam		Tiến sĩ	Khai thác hệ động lực tàu thủy	
531	Tô Trọng Hiến	1987	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
532	Tô Văn Tuấn	1984	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế tài chính-ngân hàng	
533	Tổng Lâm Tùng	1966	Nam		Thạc sĩ	Điện tự động	
534	Trần An Dương	1975	Nam		Thạc sĩ	An toàn hàng hải	
535	Trần Anh Dũng	1970	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hệ thống kĩ thuật	
536	Trần Anh Tuấn	1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường	
537	Trần Bảo Ngọc	1991	Nam		Đại học	Khai thác máy tàu biển	
538	Trần Bảo Ngọc Hà	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
539	Trần Đăng Hoan	1977	Nam		Tiến sĩ	Tin	
540	Trần Đình Vương	1982	Nam		Thạc sĩ	Khoa học & Kỹ thuật máy tính	
541	Trần Đỗ Mát	1964	Nam		Thạc sĩ	Điện tử viễn thông	
542	Trần Đức Phú	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật đại dương	
543	Trần Gia Ninh	1976	Nam		Thạc sĩ	Luật	
544	Trần Hải Việt	1986	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	
545	Trần Hoàng Hải	1983	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	x
546	Trần Hồng Hà	1974	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hàng hải	
547	Trần Hữu Long	1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
548	Trần Khánh Toàn	1979	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ học cao cấp	
549	Trần Long Giang	1975	Nam		Tiến sĩ	Công trình thủy	
550	Trần Ngọc An	1982	Nam		Tiến sĩ	Cơ học	
551	Trần Ngọc Diệp	1977	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam	
552	Trần Ngọc Hưng	1990	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức quản lý tài	
553	Trần Ngọc Tú	1983	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thiết kế và kết cấu thân tàu thủy	
554	Trần Quốc Chuẩn	1979	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
555	Trần Sinh Biên	1971	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hệ thống đo lường và đào tạo	
556	Trần Thanh Bình	1962	Nam		Đại học	Điều khiển tàu biển	
557	Trần Thế Nam	1980	Nam		Tiến sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
558	Trần Thị Chang	1994	Nữ		Đại học	Kỹ thuật an toàn Hàng hải	
559	Trần Thị Hương	1983	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	
560	Trần Thị Huyền	1989	Nữ		Đại học	Cử nhân Tài chính ngân hàng	
561	Trần Thị Minh Trang	1989	Nữ		Thạc sĩ	Dịch vụ hậu cần và quản lý chuỗi cung ứng	
562	Trần Thị Phương Thảo	1976	Nữ		Thạc sĩ	Tự động điện	
563	Trần Thị Thanh Vân	1979	Nữ		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
564	Trần Tiến Anh	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật Hàng hải	
565	Trần Tiến Lương	1984	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	
566	Trần Tuấn Anh	1992	Nam		Đại học	Kỹ thuật cơ khí	
567	Trần Văn Anh	1992	Nữ		Đại học	Kinh tế Hải Quan	
568	Trần Văn Bôn	1994	Nam		Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
569	Trần Văn Dịch	1962	Nam		Thạc sĩ	Đóng tàu	
570	Trần Văn Lượng	1980	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hệ thống hàng hải	
571	Trần Văn Nhật	1975	Nam		Thạc sĩ	Huấn luyện giảng dạy Thể dục	x
572	Trần Văn Thắng	1984	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
573	Trần Văn Tùng	1990	Nam		Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
574	Trần Việt Dũng	1978	Nam		Tiến sĩ	Triết học	x
575	Trần Xuân Ngọc	1984	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
576	Trần Xuân Thế	1991	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô	
577	Trịnh Thị Ngọc Hương	1976	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
578	Trịnh Thị Thu Thảo	1991	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế	
579	Trịnh Xuân Tùng	1984	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
580	Trương Công Mỹ	1978	Nam		Thạc sĩ	Tự động hóa	
581	Trương Minh Hải	1972	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
582	Trương Thanh Bình	1962	Nam		Thạc sĩ	Kĩ thuật điện tử	
583	Trương Thế Hình	1963	Nam		Thạc sĩ	Tổ chức kỹ thuật vận tải	
584	Trương Thị Anh Đào	1979	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học	x
585	Trương Thị Hạnh	1982	Nữ		Thạc sĩ	Hoá học	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
586	Trương Thị Minh Hằng	1976	Nữ		Thạc sĩ	Tổ chức kỹ thuật vận tải	
587	Trương Thị Như	1985	Nữ		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	x
588	Trương Thị Như Hà	1976	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế	
589	Trương Thị Phương Anh	1994	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	
590	Trương Tiến Phát	1984	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
591	Trương Văn Đạo	1965	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
592	Trương Văn Tuấn	1983	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường	
593	Từ Mạnh Chiến	1982	Nam		Thạc sĩ	Bảo đảm an toàn hàng hải	
594	Võ Đình Phi	1962	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng tàu thủy	
595	Võ Hoàng Tùng	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	
596	Võ Văn Thương	1980	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	
597	Vũ Anh Tuấn	1981	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
598	Vũ Anh Tuấn	1983	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
599	Vũ Đăng Thái	1989	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
600	Vũ Đình Trung	1990	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
601	Vũ Đức Anh	1988	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
602	Vũ Đức Năng	1984	Nam		Thạc sĩ	Khai thác, bảo trì tàu thủy	
603	Vũ Đức Vinh	1980	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x
604	Vũ Hữu Trường	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật hơi nước - Kỹ thuật miền ven biển và phát triển cảng biển.	
605	Vũ Lê Huy	1986	Nam		Đại học	Kinh tế ngoại thương	
606	Vũ Lê Ninh	1961	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế	
607	Vũ Minh Hoa	1989	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	
608	Vũ Minh Ngọc	1982	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
609	Vũ Minh Quân	1986	Nam		Thạc sĩ	Đóng tàu thủy và kỹ thuật đại dương	
610	Vũ Minh Trọng	1973	Nam		Tiến sĩ	Hóa lý thuyết và hóa lý	
611	Vũ Ngọc Minh	1979	Nam		Thạc sĩ	Tự động hoá	
612	Vũ Phạm Minh Hiền	1994	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	
613	Vũ Phú Dưỡng	1976	Nam		Thạc sĩ	Triết học	x
614	Vũ Phương Thảo	1994	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	
615	Vũ Quang Việt	1986	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng công trình giao thông (Xây dựng cầu hầm)	
616	Vũ Quyết Thắng	1966	Nam		Thạc sĩ	Thiết bị năng lượng	
617	Vũ Sơn Tùng	1988	Nam		Thạc sĩ	Khoa học Hàng hải	
618	Vũ Thanh Trung	1987	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	
619	Vũ Thị Chi	1984	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng Công trình thủy	
620	Vũ Thị Duyên	1987	Nữ		Đại học	Lịch sử	x
621	Vũ Thị Khánh Chi	1981	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy	
622	Vũ Thị Liên	1987	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.	x

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung
623	Vũ Thị Như Quỳnh	1990	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính	
624	Vũ Thị Phương Thảo	1980	Nữ		Thạc sĩ	Cơ học kỹ thuật	
625	Vũ Thị Thu	1988	Nữ		Thạc sĩ	Tự động hóa	
626	Vũ Thị Thu Trang	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
627	Vũ Thị Thủy	1982	Nữ		Thạc sĩ	Anh	
628	Vũ Thị Tiết Hạnh	1971	Nữ		Thạc sĩ	Đóng tàu	
629	Vũ Thị Trà	1980	Nữ		Thạc sĩ	Lý	x
630	Vũ Thị Vân	1985	Nữ		Thạc sĩ	Toán giải tích	x
631	Vũ Trụ Phi	1961	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	
632	Vũ Tuấn Anh	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
633	Vũ Tuấn Anh	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
634	Vũ Văn Cường	1979	Nam		Thạc sĩ	Sư phạm kỹ thuật	
635	Vũ Văn Duy	1979	Nam		Tiến sĩ	Máy thủy khí	
636	Vũ Văn Linh	1988	Nam		Thạc sĩ	Điều khiển tàu biển	
637	Vũ Văn Mừng	1985	Nam		Thạc sĩ	Khai thác bảo trì tàu thủy	
638	Vũ Văn Rực	1975	Nam		Thạc sĩ	Kĩ thuật T.Tin L.Lạc và VTĐ từ	
639	Vũ Văn Tập	1992	Nam		Thạc sĩ	Vận hành các thiết bị năng lượng tàu thủy	
640	Vũ Văn Tuyển	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy và công trình đại dương	
641	Vương Đức Phúc	1981	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và Điện tử	
642	Vương Thu Giang	1989	Nữ		Thạc sĩ	Tổ chức quản lý tài	

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	13.54
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	14.68
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	19.75

Hải Phòng, ngày 21 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Xuân Dương